Người ký: Sở Y tế
Cơ quan: Tỉnh Bình Định
Thời gian ký: 18.01.2019 10:17:25 +07:00

UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 133 /SYT-KHTC V/v báo cáo tình hình thực hiện tự chủ kinh phí năm 2018 theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP và Nghị định số 43/2006/NĐ-CP	*Bình Định, ngày 18 tháng 01 năm 2019*

Kính gửi: Các đơn vị trực thuộc

Căn cứ Công văn số 72/STC-TCHCSN ngày 10/01/2019 của Sở Tài chính về việc báo cáo tình hình thực hiện tự chủ kinh phí năm 2018 của các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập;

Sở Y tế yêu cầu Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc báo cáo số liệu tình hình thực hiện tự chủ kinh phí năm 2018 theo các biểu mẫu đính kèm:

- Mẫu số 06 kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014 của liên Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ; chi tiết số liệu theo Phụ lục 1 (áp dụng đối với cơ quan nhà nước thực hiện tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP);

- Phụ lục số 05 kèm theo Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính; chi tiết số liệu theo Phụ lục 2 (áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-CP).

Các biểu mẫu kèm theo Công văn này được đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của Sở Y tế tại địa chỉ: http://syt.binhdinh.gov.vn.

Báo cáo gửi về Sở Y tế trước ngày **31/01/2019** để kịp tổng hợp gửi Sở Tài chính báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngoài việc gửi báo cáo bằng văn bản giấy, Sở Y tế đề nghị các đơn vị gửi file báo cáo đến địa chỉ email: khtc@syt.binhdinh.gov.vn.

Nếu quá thời gian quy định trên, Sở Y tế vẫn chưa nhận được báo cáo đơn vị chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Giám đốc Sở Y tế.

Giao Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng thời hạn quy định./.

GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lãnh đạo Sở;
- Trang TTĐT Sở Y tế;
- Lưu VT, VP, KH-TC.

Lê Quang Hùng

ĐƠN VỊ .....

Mẫu số 06

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Tài chính-Bộ Nội vụ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHIÃ VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP NGÀY 17/10/2005 VÀ NGHỊ ĐỊNH SỐ 117/2013/NĐ-CP NGÀY 07/10/2013 CỦA CHÍNH PHỦ

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I/ Đánh giá chung:

- Về thực hiện nhiệm vụ được giao, chất lượng, hiệu quả công việc, thời gian giải quyết công việc, quy trình xử lý công việc.

- Về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công việc (có đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ chuyên môn hay không?).

- Về tư tưởng của cán bộ công chức trong cơ quan.

- ...

II/ Đánh giá cụ thể:

1. Kinh phí quản lý hành chính được giao: (tổng số)

Trong đó:

* Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ :.....đồng, trong đó:

- Số kinh phí thực hiện:.....đồng

- Số kinh phí tiết kiệm được:.....đồng

Trong đó:

+ Tiết kiệm chi quỹ lương:

+ Tiết kiệm các khoản chi khác (ngoài quỹ lương): ...

Phân tích kỹ nguyên nhân tiết kiệm kinh phí:

+ Do tiết kiệm biên chế (Tổng số biên chế được giao; số biên chế có mặt; số biên chế tiết kiệm được do chưa tuyển đủ, do tinh giản biên chế, do về hưu, thôi việc...); do sắp xếp lại bộ máy (số phòng ban đầu năm báo cáo; số phòng, ban hiện có; số phòng, ban giảm...).

+ Do các nguyên nhân khác: Tiết kiệm chi hội nghị, hội thảo, công tác phí, điện, nước…

- Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:…… %

* Kinh phí giao nhưng không thực hiện chế độ tự chủ …… đồng

* Đối với việc thực hiện nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã giao kinh phí thực hiện chế độ tự chủ cần báo cáo đánh giá theo một số nội dung:

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên đã thực hiện: Đánh giá theo từng nhiệm vụ (dự toán giao; khối lượng, chất lượng công việc thực hiện);

- Nhiệm vụ đặc thù; kinh phí mua sắm, sửa chữa thường xuyên không thực hiện hoặc chưa thực hiện xong: Tên nhiệm vụ, dự toán đã giao, số chưa thực hiện, lý do chưa thực hiện.

* Tình hình chấp hành chính sách, chế độ chi tiêu tài chính.

2/ Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm được:

- Thu nhập tăng thêm bình quân của cán bộ công chức và người lao động:..... đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần/tháng.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất …… đ/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất …….... đ/tháng

- Trích Quỹ và các khoản chi khác: ……... đồng

+ Quỹ dự phòng ổn định thu nhập

+ Chi khen thưởng

+ Chi phúc lợi

+ Các khoản chi khác

3/ Các biện pháp thực hành tiết kiệm:

- …

- …

4/ Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

… , ngày… tháng… năm…

Người lập báo cáo	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
(Ký tên)	*(Ký tên đóng dấu)*

PHỤ LỤC 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ NĂM 2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 130/2005/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số /SYT-KHTC ngày /01/2019 của Sở Y tế Bình Định)

TT	Đơn vị	Số lượng đơn vị khoán	Biên chế được giao	Có mặt	Tiết kiệm được	Ng.nhân giảm BC			Kinh phí được giao (đồng)									Phân phối sử dụng thu nhập tăng thêm				Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (3)						Tổng quỹ tiền lương theo quy định (đồng)
						Hưu, nghỉ theo chế độ	Nghỉ do sắp xếp	Nguyên nhân khác	Tổng số dự toán được giao cả năm (1)	Tổng số khấu trừ không cấp cho đơn vị	Tổng số dự toán giao còn lại cấp cho đơn vị	Trong đó						Chi tăng thu nhập cho CBCC (đồng)	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất (Đ/thg)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất (Đ/thg)	Trích các quỹ (đồng)	Dưới 0,1 lần	Từ 0,10 đến dưới 0,20 lần	Từ 0,20 đến dưới 0,30 lần	Từ 0,30 đến dưới 0,40 lần	Từ 0,40 đến dưới 0,50 lần	Từ 0,50 đến dưới 1 lần	
												Không tự chủ (2)	Tự chủ	Trong đó			Tỉ lệ % TK năm so với DT tự chủ											
														Kinh phí thực hiện	Kinh phí tiết kiệm được	Kinh phí còn lại tại KBNN												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12=10-11	13	14	15	16=19+22	17	18=(16/14)*100	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29
	TỔNG SỐ																											

Ghi chú:

- (1) Bao gồm cả số dự toán năm trước chuyển sang
- (2) Bao gồm cả 10% kinh phí tiết kiệm để lại tại đơn vị tạo nguồn cải cách tiền lương và kinh phí cải cách tiền lương được bổ sung trong năm
- (3) Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân = Chi tăng thu nhập cho CBCC/Tổng quỹ tiền lương theo quy định

Đơn vị:...

Phụ lục số 05

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN QUYỀN TỰ CHỦ, TỰ CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ TÀI CHÍNH THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP NGÀY 25/4/2006 CỦA CHÍNH PHỦ

(Dùng cho các đơn vị dự toán cấp III báo cáo đơn vị dự toán cấp trên)

I. Đánh giá chung:

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Khối lượng công việc hoàn thành trong năm;
- Chất lượng các công việc đã hoàn thành được duyệt hoặc chấp nhận;
- Thời hạn hoàn thành công việc;
- Tình hình chấp hành chính sách chế độ và các quy định về tài chính;
- Thực hiện các nhiệm vụ sự nghiệp đặc thù của đơn vị.

2. Về tổ chức bộ máy:

3. Về thực hiện các chỉ tiêu về tài chính, gồm:

- Về mức thu sự nghiệp:
- Các khoản phí, lệ phí: thu theo quyết định số...
- Các khoản thu do đơn vị tự quyết định: nêu cụ thể
- Thực hiện chính sách miễn giảm theo quy định: nêu cụ thể

II. Đánh giá cụ thể:

1. Về biên chế:

- Tổng số biên chế đầu năm..... người
- Số lao động có mặt..... người

2. Về tổ chức bộ máy:

- Số Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc hiện có đầu năm báo cáo:.....
- Số Phòng, Ban, Trung tâm trực thuộc hiện có cuối năm báo cáo:.....

3. Về kinh phí:

a) Kinh phí chi hoạt động: Trong đó:

- Kinh phí giao ổn định *(đối với đơn vị SN tự bảo đảm một phần chi phí; đơn vị SN do ngân sách nhà nước bảo đảm kinh phí hoạt động)*..... đồng, trong đó:

+ Số kinh phí thực hiện:..... đồng

+ Số kinh phí tiết kiệm được:..... đồng

+ Tỷ lệ kinh phí tiết kiệm được so với kinh phí được giao:.....%

- Kinh phí không thực hiện tự chủ..... đồng

b) Thu sự nghiệp:

- Dự toán giao:

- Số thực hiện:

c) Chênh lệch thu chi thường xuyên:

d) Phân phối sử dụng kinh phí tiết kiệm và chênh lệch thu chi:

- Trích lập quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp

- Trích lập quỹ ổn định thu nhập, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi

- Tổng thu nhập tăng thêm của người lao động:..... đồng

Trong đó:

+ Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động:.....đ/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân:..... lần.

+ Người có thu nhập tăng thêm cao nhất:.....đ/tháng

+ Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất:.....đ/tháng

5. Những khó khăn, tồn tại, kiến nghị:

Người lập báo cáo	*... Ngày..... tháng.....năm.....*
(Ký tên)	**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**
	(Ký tên đóng dấu)

PHỤ LỤC 2

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ NĂM 2018 THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 43/2006/NĐ-CP

(Kèm theo Công văn số SYT-KHTC ngày /01/2019 của Sở Y tế Bình Định)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Tổng số đơn vị sự nghiệp được giao tự chủ tài chính	Tổng số cán bộ, viên chức (bao gồm lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên): người	Trong đó		Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp (triệu đồng)	Tổng nguồn tài chính chi thường xuyên (triệu đồng)									Chi thường xuyên (triệu đồng)								
					Số lượng cán bộ, viên chức (người)	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên (người)		Tổng số	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Nguồn thu phí theo Luật phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên)	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Nguồn thu hoạt động khác	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)	Tổng số	Chi hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá tính đủ chi phí	Chi từ nguồn NSNN đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá chưa tính đủ chi phí	Chi từ nguồn thu phí (phần để lại chi thường xuyên)	Chi từ nguồn NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	Chi từ nguồn NSNN cấp chi thường xuyên cho đơn vị do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Chi từ nguồn thu hoạt động khác	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công, trong trường hợp chưa có định mức KT-KT và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành (nếu có)
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24
A	**ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI ĐẦU TƯ**																								
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																								
1	Đơn vị…																								
2	Đơn vị…																								
B	**ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN**																								
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																								
1	Đơn vị…																								
2	Đơn vị…																								
C	**ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																								
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																								
1	Đơn vị…																								
2	Đơn vị…																								
D	**ĐƠN VỊ DO NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																								
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																								
1	Đơn vị…																								
2	Đơn vị…																								

TT	Tên đơn vị	Phân phối kết quả tài chính (triệu đồng)					Thu nhập tăng thêm							Nguồn thu, chi nhiệm vụ không thường xuyên (triệu đồng)		Vốn vay, vốn huy động (triệu đồng)			
		Chênh lệch thu chi thường xuyên năm	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi	Trích Quỹ khác (nếu có)	Tổng chi thu nhập tăng thêm trong năm (triệu đồng)	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân (lần/đơn vị)				Người có thu nhập tăng thêm cao nhất của từng đơn vị (triệu đồng/tháng)	Người có thu nhập tăng thêm thấp nhất của từng đơn vị (triệu đồng/tháng)	Nguồn chi nhiệm vụ không thường xuyên	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	Vốn vay của các tổ chức tín dụng	Số đã trả nợ các tổ chức tín dụng	Huy động vốn của cán bộ, viên chức	Số đã trả nợ cho cán bộ, viên chức
								Từ 01 lần trở xuống	Từ trên 01 lần đến 02 lần	Từ trên 02 đến 03 lần	Từ trên 03 lần trở lên								
		25=(8+ +14)-(17+...+23)=(26+27+28+29)	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42
A	**ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN VÀ CHI ĐẦU TƯ**																		
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																		
1	Đơn vị...																		
2	Đơn vị...																		
B	**ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN**																		
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																		
1	Đơn vị...																		
2	Đơn vị...																		
C	**ĐƠN VỊ TỰ ĐẢM BẢO MỘT PHẦN CHI THƯỜNG XUYÊN (do giá, phí dịch vụ sự nghiệp công chưa kết cấu đủ chi phí, được Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công theo giá, phí chưa tính đủ chi phí)**																		
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																		
1	Đơn vị...																		
2	Đơn vị...																		
D	**ĐƠN VỊ DO NHÀ NƯỚC ĐẢM BẢO CHI THƯỜNG XUYÊN (theo chức năng, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao, không có nguồn thu hoặc nguồn thu thấp)**																		
	Sự nghiệp Y tế, dân số và gia đình																		
1	Đơn vị...																		
2	Đơn vị...																		